

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

## MỤC LỤC

| Nội dung   | Trang          |
|--|----------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc  | 2 – 3          |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét  | 4 – 5          |
| Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét   | 06 – 42        |
| <i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>  | <i>06 – 09</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>10</i>      |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>           | <i>11 – 12</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>    | <i>13 – 42</i> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 04 lần thay đổi đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07 tháng 6 năm 2021.

**Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 04: 136.000.000.000 VND.**

**Vốn thực góp tại ngày 30/06/2024 là: 136.000.000.000 VND.**

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang  
Điện thoại : 0293 626 5666  
Fax : 0293 626 5999  
Website : phanbonauviet.com  
Mã số thuế : 6300230407

#### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 42).

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên               | Chức vụ  | Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm       |
|-------------------------|----------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Hoàng Luân   | Chủ tịch |                            |
| Bà Võ Huỳnh Trang       | Ủy viên  |                            |
| Ông Võ Văn Phước Quê    | Ủy viên  |                            |
| Ông Nguyễn Đức Quang    | Ủy viên  |                            |
| Ông Đinh Huỳnh Thái Tâm | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 26/04/2024   |
| Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên   | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 26/04/2024 |

##### **Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm |
|----------------------|-------------------|----------------------|
| Ông Võ Văn Phước Quê | Tổng Giám đốc     |                      |
| Ông Nguyễn Đức Quang | Phó Tổng Giám đốc |                      |

##### **Ban Kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm       |
|------------------------|------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Trưởng Ban |                            |
| Bà Nguyễn Thị Bảo Trâm | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26/04/2024 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Thành viên |                            |
| Bà Lưu Thị Cẩm Hoài    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2024   |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hậu Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2024

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Võ Văn Phước Quê**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

*Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNTK số: 1690-2023-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>196.806.345.368</b> | <b>168.052.791.270</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>8.672.093.998</b>   | <b>10.337.980.916</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 8.672.093.998          | 10.337.980.916         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>-</b>               | <b>10.000.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2         | -                      | 10.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>102.139.718.732</b> | <b>71.327.420.802</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 95.108.130.636         | 66.630.245.362         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 6.416.106.036          | 3.231.994.743          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 615.482.060            | 1.465.180.697          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                      | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>82.988.181.905</b>  | <b>73.145.516.885</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 82.988.181.905         | 73.145.516.885         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>3.006.350.733</b>   | <b>3.241.872.667</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 282.047.758            | 128.502.942            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 2.724.302.975          | 3.113.369.725          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>184.511.532.132</b> | <b>189.057.692.780</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | <b>20.000.000</b>      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | 20.000.000             |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>91.532.286.352</b>  | <b>94.020.883.796</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 62.076.903.064         | 63.967.900.958         |
| Nguyên giá                                      | 222        |             | 78.674.610.767         | 78.674.610.767         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 223        |             | (16.597.707.703)       | (14.706.709.809)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        | V.9         | 4.536.883.894          | 4.758.125.836          |
| Nguyên giá                                      | 225        |             | 5.265.505.600          | 5.265.505.600          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 226        |             | (728.621.706)          | (507.379.764)          |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 24.918.499.394         | 25.294.857.002         |
| Nguyên giá                                      | 228        |             | 28.677.302.852         | 28.677.302.852         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 229        |             | (3.758.803.458)        | (3.382.445.850)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> | <b>V.11</b> | <b>79.379.237.134</b>  | <b>81.184.667.488</b>  |
| Nguyên giá                                      | 231        |             | 91.190.175.481         | 91.190.175.481         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 232        |             | (11.810.938.347)       | (10.005.507.993)       |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>13.600.008.646</b>  | <b>13.832.141.496</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 13.600.008.646         | 13.832.141.496         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>381.317.877.500</b> | <b>357.110.484.050</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>162.760.112.587</b> | <b>142.985.458.891</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>156.906.864.750</b> | <b>135.497.021.098</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.12        | 29.803.083.602         | 10.911.525.764         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | 11.000.000             | -                      |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 280.484.924            | 471.783.132            |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 541.366.791            | 434.280.340            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.14        | 263.404.893            | 509.651.746            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.15a       | 595.451.209            | 312.000.000            |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.16a       | 125.412.073.331        | 122.857.780.116        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>5.853.247.837</b>   | <b>7.488.437.793</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.15b       | 206.931.600            | 388.931.600            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.16b       | 5.646.316.237          | 7.099.506.193          |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>218.557.764.914</b> | <b>214.125.025.159</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.17</b> | <b>218.557.764.914</b> | <b>214.125.025.159</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 136.000.000.000        | 136.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 136.000.000.000        | 136.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 471.167.081            | 471.167.081            |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 78.897.788.337         | 74.501.190.045         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 74.501.190.045         | 65.758.003.906         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 4.396.598.292          | 8.743.186.139          |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 3.188.809.496          | 3.152.668.033          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>381.317.877.500</b> | <b>357.110.484.050</b> |

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khải Văn

Biện Thị Chuyên



Võ Văn Phước Quê

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|  |       |             |                 |                 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 312.991.821.097 | 265.082.358.655 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 312.991.821.097 | 265.082.358.655 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 299.477.962.856 | 253.082.901.380 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 13.513.858.241  | 11.999.457.275  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 161.895.557     | 395.741.207     |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 4.810.808.102   | 5.068.495.644   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 4.810.808.102   | 5.068.495.644   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 912.820.819     | 599.304.677     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 3.141.835.129   | 2.001.497.604   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 4.810.289.748   | 4.725.900.557   |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 18.550.000      | -               |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 115.615.071     | 16.385.376      |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (97.065.071)    | (16.385.376)    |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 4.713.224.677   | 4.709.515.181   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | VI.9        | 280.484.924     | 294.449.039     |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 4.432.739.753   | 4.415.066.142   |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              | 61    |             | 4.396.598.292   | 4.397.675.287   |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62    |             | 36.141.462      | 17.390.855      |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.10       | 323             | 323             |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.10       | 323             | 323             |

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khải Vân

Biện Thị Chuyên



Võ Văn Phước Quê

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết<br>số minh | Năm nay          | Năm trước        |
|--|----------------------|------------------|------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |                      |                  |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01                   | 4.713.224.679    | 4.709.515.181    |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |                      |                  |                  |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02                   | 4.294.027.798    | 4.116.714.135    |
| - Các khoản dự phòng   | 03                   | -                | -                |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04                   | -                | -                |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05                   | (161.895.557)    | (395.741.207)    |
| - Chi phí lãi vay  | 06                   | 4.810.808.102    | 5.068.495.644    |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07                   | -                | -                |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08                   | 13.656.165.022   | 13.498.983.753   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09                   | (30.403.231.180) | (8.846.091.529)  |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10                   | (9.842.665.020)  | 13.502.977.461   |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11                   | 19.111.095.498   | (21.166.162.344) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12                   | 78.588.034       | 88.744.762       |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13                   | -                | -                |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14                   | (5.057.054.955)  | (5.158.075.746)  |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15                   | (471.783.132)    | (100.000.000)    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16                   | -                | -                |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17                   | -                | -                |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  | 20                   | (12.928.885.734) | (8.179.623.643)  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |                      |                  |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21                   | -                | (71.113.640)     |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22                   | -                | -                |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23                   | -                | (10.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24                   | 10.000.000.000   | -                |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25                   | -                | -                |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26                   | -                | -                |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27                   | 161.895.557      | 395.741.207      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  | 30                   | 10.161.895.557   | (9.675.372.433)  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết<br>số | Thuyết<br>minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|--|-----------------|----------------|-----------------------------------|-------------------|
|  |                 |                | Năm nay                           | Năm trước         |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính  |                 |                |                                   |                   |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31              |                | -                                 | -                 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32              |                | -                                 | -                 |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33              |                | 150.684.977.857                   | 125.943.215.000   |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34              |                | (148.987.364.642)                 | (110.700.329.100) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35              |                | (596.509.956)                     | (656.160.942)     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36              |                | -                                 | -                 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   | 40              |                | 1.101.103.259                     | 14.586.724.958    |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ   | 50              |                | (1.665.886.918)                   | (3.268.271.118)   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60              | V.1            | 10.337.980.916                    | 7.480.666.909     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61              |                | -                                 | -                 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ   | 70              | V.1            | 8.672.093.998                     | 4.212.395.791     |

Người lập biểu

Nguyễn Khải Vân

Kế toán trưởng

Biện Thị Chuyên

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Võ Văn Phước Quê

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón quốc tế Âu Việt (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

#### 2. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 04 lần thay đổi đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07 tháng 6 năm 2021.

#### 3. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

Điện thoại: 0293 626 5666

Fax : 0293 626 5999

Website : phanbonauviet.com

Mã số thu : 6 3 0 0 2 3 0 4 0 7

#### 4. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 5. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất và kinh doanh phân bón;
- Cho thuê nhà xưởng.
- Điện mặt trời

#### 6. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

#### 7. Danh sách các công ty con được hợp nhất

| Tên công ty                                      | Địa chỉ trụ sở chính  | Ngành nghề kinh doanh                          | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ biểu quyết |
|--|---|--|-----------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần<br>Đầu tư Phúc Điền<br>Hậu Giang | Số 816 Quốc lộ 1A, Ấp Long An B,<br>thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành<br>A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam | Buôn bán<br>phân bón;<br>Cho thuê nhà<br>xưởng | 97,62%                | 97,62%           |

Công ty con được hợp nhất theo giá trị ghi sổ.

#### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và BCTC hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### 9. Nhân viên

Tại ngày 30/06/2024 công ty có 81 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 54 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN SỬ DỤNG**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### 2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty con tại ngày mua được xác định theo giá trị sổ sách.

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### **BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau. Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### ***Chi phí thuê đất***

Giá trị QSD đất thuê trả tiền một lần tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 25, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Tài sản cố định</u>          | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 5 – 25        |
| Máy móc và thiết bị             | 5 – 15        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10        |
| Tài sản cố định khác            | 6 – 25        |

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Doanh nghiệp tại địa chỉ Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang. Chi tiết trình bày tại V.9.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Doanh nghiệp sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị             | 15            |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10            |

#### 11. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc       | 20-25         |

#### 12. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

#### *Các quỹ khác*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

### **17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

### 19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

*Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn khó khăn, cụ thể như sau:*

*\* Tại Công ty mẹ*

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2014 (năm đầu tiên phát sinh doanh thu)
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế)
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

\* *Tại Công ty con*

- *Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2016*
- *Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2016*
- *Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2020.*

## 21. Công cụ tài chính

### Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                        | 3.711.398.187        | 710.555.375           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.960.695.811        | 9.627.425.541         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>8.672.093.998</b> | <b>10.337.980.916</b> |

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                    | <u>Số cuối kỳ</u> |                       | <u>Số đầu năm</u>     |                       |
|--------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                    | <u>Giá gốc</u>    | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u>        | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn | -                 | -                     | 10.000.000.000        | 10.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>        | <b>-</b>          | <b>-</b>              | <b>10.000.000.000</b> | <b>10.000.000.000</b> |

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Song ngư      | 8.330.921.490         | 15.412.188.490        |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Khánh Phát | 2.094.079.303         | 3.144.052.303         |
| Công ty TNHH Đầu tư Louis                                  | 1.353.404.820         | 6.951.058.740         |
| Công ty TNHH Đầu tư AMEE                                   | 14.764.118.707        | 2.082.699.537         |
| Công ty Cổ phần Hóa chất và Phân bón Thắng Lợi             | 2.012.830.000         | 5.102.830.000         |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Đại Thiên Ngân    | 12.148.330.800        | -                     |
| Các đối tượng khác   | 54.404.445.516        | 33.937.416.292        |
| <b>Cộng</b>  | <b>95.108.130.636</b> | <b>66.630.245.362</b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                      | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Thương mại Toàn Cầu | -                    | 1.500.000.000        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng ACB         | 6.208.746.036        | 1.352.943.852        |
| Các nhà cung cấp khác                | 207.360.000          | 379.050.891          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>6.416.106.036</b> | <b>3.231.994.743</b> |

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                  | <u>Số cuối kỳ</u>  |                 | <u>Số đầu năm</u>    |                 |
|----------------------------------|--------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                                  | <u>Giá trị</u>     | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> |
| Ký cược, ký quỹ                  | 550.550.560        | -               | 550.550.560          | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 64.931.500         | -               | 914.630.137          | -               |
| <b>Cộng</b>                      | <b>615.482.060</b> | <b>-</b>        | <b>1.465.180.697</b> | <b>-</b>        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Hàng tồn kho

|                       | Số cuối kỳ            |          | Số đầu năm            |          |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                       | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 44.697.190.589        | -        | 38.406.472.663        | -        |
| Công cụ, dụng cụ      | -                     | -        | 346.296.296           | -        |
| Hàng hóa              | 38.290.991.316        | -        | 34.392.747.926        | -        |
| <b>Cộng</b>           | <b>82.988.181.905</b> | <b>-</b> | <b>73.145.516.885</b> | <b>-</b> |

### 7. Chi phí trả trước

#### a) Chi phí trả trước ngắn hạn

|                  | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 88.703.417         | 95.502.942         |
| Phần mềm kế toán | 193.344.341        | 33.000.000         |
| <b>Cộng</b>      | <b>282.047.758</b> | <b>128.502.942</b> |

#### b) Chi phí trả trước dài hạn

|                                     | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ dụng cụ                     | 124.207.426           | 159.345.046           |
| Chi phí chứng nhận hợp quy sản phẩm | 102.087.504           | 150.670.846           |
| Chi phí thuê đất(*)                 | 13.334.199.482        | 13.483.707.896        |
| Chi phí khác                        | 39.514.234            | 38.417.708            |
| <b>Cộng</b>                         | <b>13.600.008.646</b> | <b>13.832.141.496</b> |

(\*) Là giá trị QSD đất thuê trả tiền một lần tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 25, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR248466 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hậu Giang cấp. Thời hạn sử dụng đất từ ngày 22/01/2019 đến ngày 22/01/2069. Giá trị quyền sử dụng đất nói trên đang được thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang. Chi phí thuê đất được phân bổ dần vào chi phí với thời gian phân bổ là 50 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

|                                       | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Tài sản cố<br>định khác(*) | Cộng                  |
|---------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                           |                        |                                    |                            |                       |
| Số đầu năm                            | 48.568.445.804            | 11.571.188.000         | 2.157.036.363                      | 16.377.940.600             | 78.674.610.767        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>48.568.445.804</b>     | <b>11.571.188.000</b>  | <b>2.157.036.363</b>               | <b>16.377.940.600</b>      | <b>78.674.610.767</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                           |                        |                                    |                            |                       |
| Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng | 552.200.000               | 384.362.000            | 677.272.727                        | -                          | 1.613.834.727         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                           |                        |                                    |                            |                       |
| Số đầu năm                            | 6.842.597.010             | 4.244.456.617          | 1.691.784.813                      | 1.927.871.369              | 14.706.709.809        |
| Khấu hao trong kỳ                     | 981.228.762               | 460.947.404            | 121.262.918                        | 327.558.810                | 1.890.997.894         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>7.823.825.772</b>      | <b>4.705.404.021</b>   | <b>1.813.047.731</b>               | <b>2.255.430.179</b>       | <b>16.597.707.703</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                           |                        |                                    |                            |                       |
| Số đầu năm                            | 41.725.848.794            | 7.326.731.383          | 465.251.550                        | 14.450.069.231             | 63.967.900.958        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>40.744.620.032</b>     | <b>6.865.783.979</b>   | <b>343.988.632</b>                 | <b>14.122.510.421</b>      | <b>62.076.903.064</b> |

(\*) Tài sản cố định khác là Hệ thống điện năng lượng mặt trời.

Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 33.856.569.983 VND và 29.151.427.007 VND đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****9. Tài sản cố định thuê tài chính**

|                                       | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải, truyền<br>dẫn | Cộng                 |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                        |                                       |                      |
| Số đầu năm                            | -                      | -                                     | -                    |
| Thuê tài chính trong kỳ               | 2.522.000.000          | 2.743.505.600                         | 5.265.505.600        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>2.522.000.000</b>   | <b>2.743.505.600</b>                  | <b>5.265.505.600</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                                       |                      |
| Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng | -                      | -                                     | -                    |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                                       |                      |
| Số đầu năm                            | 210.166.665            | 297.213.099                           | 507.379.764          |
| Khấu hao trong kỳ                     | 84.066.666             | 137.175.276                           | 221.241.942          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>294.233.331</b>     | <b>434.388.375</b>                    | <b>728.621.706</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                                       |                      |
| Số đầu năm                            | 2.311.833.335          | 2.446.292.501                         | 4.758.125.836        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>2.227.766.669</b>   | <b>2.309.117.225</b>                  | <b>4.536.883.894</b> |

**10. Tài sản cố định vô hình**

|                                       | Chương trình<br>phần mềm | Quyền sử dụng<br>đất (*) | Cộng                  |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                          |                          |                       |
| Số đầu năm                            | 93.100.000               | 28.584.202.852           | 28.677.302.852        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>93.100.000</b>        | <b>28.584.202.852</b>    | <b>28.677.302.852</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                          |                          |                       |
| Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng | 49.750.000               | -                        | 49.750.000            |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                          |                          |                       |
| Số đầu năm                            | 72.227.784               | 3.310.218.066            | 3.382.445.850         |
| Khấu hao trong kỳ                     | 7.225.002                | 369.132.606              | 376.357.608           |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>79.452.786</b>        | <b>3.679.350.672</b>     | <b>3.758.803.458</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                          |                          |                       |
| Số đầu năm                            | 20.872.216               | 25.273.984.786           | 25.294.857.002        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>13.647.214</b>        | <b>24.904.852.180</b>    | <b>24.918.499.394</b> |

(\*) Là quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 01, địa chỉ Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| Số GCN      | Số thửa đất | Diện tích (m2) | Thời hạn sử dụng | Mục đích sử dụng         | Giá trị QSDĐ          |
|-------------|-------------|----------------|------------------|--------------------------|-----------------------|
| CV110726    | 1754        | 12851,4        | 29/09/2054       | Đất thương mại dịch vụ   | 12.285.114.091        |
| CV110726    | 1754        | 14797,9        | 02/08/2056       | Đất thương mại dịch vụ   | 14.145.843.240        |
| CV110726    | 1754        | 1000           | lâu dài          | Đất thương mại dịch vụ   | 955.935.858           |
| CV245717    | 1206        | 300            | lâu dài          | Đất ở tại nông thôn      | 286.780.758           |
| CV245718    | 1220        | 300            | lâu dài          | Đất ở tại nông thôn      | 286.780.758           |
| CV245719    | 1211        | 300            | lâu dài          | Đất ở tại nông thôn      | 286.780.758           |
| CV245720    | 1215        | 59             | lâu dài          | Đất ở tại nông thôn      | 56.400.216            |
|             |             |                |                  | Sản xuất phi nông nghiệp |                       |
| CV245743    | 1214        | 293,5          | 29/09/2054       |                          | 280.567.174           |
| <b>Cộng</b> |             |                |                  |                          | <b>28.584.202.852</b> |

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 28.584.202.852 VND và 24.904.852.180 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang. Bên cạnh đó, tài sản trên cũng đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty TNHH MTV Đầu tư Châu Á tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

#### 11. Bất động sản đầu tư

Chi tiết tăng, giảm Bất động sản đầu tư trong kỳ như sau:

|                   | Nguyên giá            | Giá trị hao mòn         | Giá trị còn lại       |
|-------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm        | 91.190.175.481        | (10.005.507.993)        | 81.184.667.488        |
| Khấu hao trong kỳ | -                     | (1.805.430.354)         | (1.805.430.354)       |
| <b>Cộng</b>       | <b>91.190.175.481</b> | <b>(11.810.938.347)</b> | <b>79.379.237.134</b> |

Bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 41.358.221.895 VND và 35.494.545.089 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nông nghiệp Phú Thứ   | 3.146.400.000         | 3.386.597.715         |
| Công ty TNHH N XK Nông sản Đức Tín                       | -                     | 3.561.576.918         |
| Công ty TNHH MTV Nam Việt Hậu Giang                      | 4.141.974.530         | 59.133.910            |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Toàn Cầu                     | 3.292.212.097         | 126.343.597           |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc tế TIP TO Mã Lai | 5.853.255.500         | -                     |
| Các nhà cung cấp khác                                    | 13.369.241.475        | 3.777.873.624         |
| <b>Cộng</b>  | <b>29.803.083.602</b> | <b>10.911.525.764</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | <u>Số đầu năm</u>  | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>  |
|----------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 471.783.132        | 280.484.924                 | (471.783.132)             | 280.484.924        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                  | 2.876.810                   | (2.876.810)               | -                  |
| Các loại thuế khác         | -                  | 49.091.831                  | (49.091.831)              | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>471.783.132</b> | <b>332.453.565</b>          | <b>(523.751.773)</b>      | <b>280.484.924</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình dịch vụ như sau:

|                     |                 |
|---------------------|-----------------|
| Kinh doanh phân bón | Không chịu thuế |
| Các hoạt động khác  | 10%             |

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn khó khăn, cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2014.
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế)
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                          | <u>Số cuối kỳ</u>  | <u>Số đầu năm</u>  |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 263.404.893        | 509.651.746        |
| <b>Cộng</b>              | <b>263.404.893</b> | <b>509.651.746</b> |

### 15. Phải trả khác a, Ngắn hạn

|  | <u>Số cuối kỳ</u>  | <u>Số đầu năm</u>  |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>          | <i>312.000.000</i> | <i>312.000.000</i> |
| Thù lao HĐQT, BKS                          | 312.000.000        | 312.000.000        |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>283.451.209</i> | -                  |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn              | 200.000.000        | -                  |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác           | 83.451.209         | -                  |
| <b>Cộng</b>                                | <b>595.451.209</b> | <b>312.000.000</b> |

#### **b, Dài hạn**

Là các khoản nhận đặt cọc tiền thuê kho bãi dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 16. Vay và nợ thuê tài chính

#### a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

|   | Số cuối kỳ             |                        | Số đầu năm             |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| <b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>                                   | <b>122.499.954.923</b> | <b>122.499.954.923</b> | <b>119.945.661.708</b> | <b>119.945.661.708</b> |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức (1)       | 13.100.000.000         | 13.100.000.000         | 8.100.000.000          | 8.100.000.000          |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng–Chi nhánh Cần Thơ           | -                      | -                      | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang (2)   | 107.399.954.923        | 107.399.954.923        | 109.845.661.708        | 109.845.661.708        |
| Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (3)         | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          | -                      | -                      |
| <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>                                  | <b>1.713.360.000</b>   | <b>1.713.360.000</b>   | <b>1.713.360.000</b>   | <b>1.713.360.000</b>   |
| <b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</b> | <b>1.198.758.408</b>   | <b>1.198.758.408</b>   | <b>1.198.758.408</b>   | <b>1.198.758.408</b>   |
| <b>Cộng</b>   | <b>125.412.073.331</b> | <b>125.412.073.331</b> | <b>122.857.780.116</b> | <b>122.857.780.116</b> |

(1) Là khoản vay ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng số 85/2024/HĐHMTD/PVB-CNTĐC ký ngày 27/06/2024. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND, hạn mức này đã bao gồm dư nợ còn lại của Hợp đồng hạn mức số 44/2023/HĐHMTD/PVB-CN.TĐ ngày 17/04/2023. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích cấp tín dụng là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 63, tờ bản đồ số 13; tại khu dân cư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Fico, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập và bà Phạm Trần Đan Thanh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 821060, số vào sổ cấp GCN: CS02762 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP Cần Thơ cấp ngày 10/03/2017. Giá trị tài sản thế chấp là 6.424.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 05/05/2022.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 198, tờ bản đồ số 5; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vũ Kiên và bà Phạm Trần Kim Ngọc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 727050, số vào sổ cấp GCN: CS00318 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 06/08/2018. Giá trị tài sản thế chấp là 7.370.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 38/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 10/10/2022.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 114, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vũ Công và bà Mai Thị Hằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 770070, số vào sổ cấp GCN: CS00346 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24/08/2018. Giá trị tài sản thế chấp là 8.976.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 39/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 10/10/2022.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 110, tờ bản đồ số 20; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 604321, số vào sổ cấp GCN: CH01785-4309/QĐ-UBND do UBND huyện Xuyên Mộc cấp ngày 21/11/2012, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 24/07/2019 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 120, tờ bản đồ số 20; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CR 928750, sổ vào sổ cấp GCN: CS00882 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 08/08/2019 thuộc quyền sử dụng (đối với đất), quyền sở hữu hợp pháp của ông Đào Văn Hiền và bà Lê Thị Thu Nguyệt. Giá trị tài sản thế chấp là 6.977.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 125/2023/HĐBĐ/PVB-CNTĐC ký ngày 10/10/2023.

(2) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023-HĐCVHM/NHCT821-CTY ÂU VIỆT ký ngày 08/08/2023. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 02 tháng 08 năm 2024, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ. Mục đích cấp tín dụng là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh phân bón các loại. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại thửa 288, tờ bản đồ số 25, địa chỉ Ấp Long Giang B, Thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 248466, sổ vào sổ cấp GCN CT14247, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 19/08/2019 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt. Giá trị của tài sản là 62.888.127.968 VND theo biên bản thỏa thuận định giá tài sản thế chấp số 02/2023-BBĐGL/NHCT821-CTY AU VIET ngày 31/07/2023.

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Tây Đô theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 199428.24.452.32974447.TD ngày 28 tháng 06 năm 2024 với tổng mức hạn mức được cấp là 60.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25/02/2025, lãi suất cho vay được quy định trên các khế ước nhận nợ. Mục đích sử dụng là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Toàn bộ hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành từ phương án được Ngân hàng TMCP Quân đội cấp tín dụng luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; Quyền đòi nợ đã, đang và sẽ hình thành từ phương án được Ngân hàng TMCP Quân đội cấp tín dụng; Toàn bộ số tiền/số dư và lãi phát sinh trên tài khoản số 9966345678 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng thế chấp số 199430.24.452.32974447.BD ký ngày 28/06/2024.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số LA 5608866 giá trị 2.000.000.000 VND mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội của ông Nguyễn Hoàng Luân theo văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số 199428.24.452.32974447.TD.PL01 ngày 28/06/2024.

### Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

|                               | Số đầu năm             | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ             |
|-------------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng        | 119.945.661.708        | 150.684.977.857                | -                               | (148.130.684.642)           | 122.499.954.923        |
| Vay dài hạn đến hạn trả       | 1.713.360.000          | -                              | 856.680.000                     | (856.680.000)               | 1.713.360.000          |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 1.198.758.408          | -                              | 596.509.956                     | (596.509.956)               | 1.198.758.408          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>122.857.780.116</b> | <b>150.684.977.857</b>         | <b>1.453.189.956</b>            | <b>(149.583.874.598)</b>    | <b>125.412.073.331</b> |

### b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

|   | Số cuối kỳ           |                       | Số đầu năm           |                       |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| <b>Vay dài hạn ngân hàng</b>                                  | <b>4.834.048.098</b> | <b>4.834.048.098</b>  | <b>5.690.728.098</b> | <b>5.690.728.098</b>  |
| Ngân hàng Public bank Việt Nam (1)                            | 597.048.098          | 597.048.098           | 643.728.098          | 643.728.098           |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang (2) | 4.237.000.000        | 4.237.000.000         | 5.047.000.000        | 5.047.000.000         |
| <b>Nợ thuê tài chính (3)</b>                                  | <b>812.268.139</b>   | <b>812.268.139</b>    | <b>1.408.778.095</b> | <b>1.408.778.095</b>  |
| <b>Cộng</b>   | <b>5.646.316.237</b> | <b>5.646.316.237</b>  | <b>7.099.506.193</b> | <b>7.099.506.193</b>  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public bank Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số HCM/000099/18 ngày 05 tháng 03 năm 2018 với hạn mức là 1.400.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 180 tháng kể từ ngày ký, lãi suất cho vay là 2,6%/năm + lãi suất tiền gửi có kì hạn cá nhân 12 tháng bằng VND loại lãnh lãi cuối kì niêm yết tại ngân hàng. Mục đích sử dụng là tài trợ/hoàn lại một phần chi phí mua Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, hiện đang được sử dụng làm văn phòng đại diện của Công ty. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng một khoản tiền là 7.780.000 VND trong vòng 180 tháng bắt đầu từ tháng tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh với giá mua là 2.063.504.239 VND.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang theo hợp đồng tín số 01/2021 – HĐCVDADT/NHCT821 – CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 29/01/2021. Hạn mức vay là 12.000.000.000 VND với mục đích thanh toán/bù đắp chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại số 179, quốc lộ 61, Ấp Tầm Vu 1, xã Thạch Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng trong đó gốc vay phải trả cho hàng kỳ là 135.000.000 VND. Tài sản đảm bảo là:

- Toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà thuộc dự án điện mặt trời mái nhà tại số 179, Quốc lộ 61, Ấp Tầm Vu 1, xã Thạch Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT821-ĐMT-CTY PHUC DIEN ngày 29/01/2021, giá trị của tài sản là 16.701.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT821- CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 25/8/2020. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 124.553.103.070 VND, thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phúc Điền Hậu Giang.

- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá 01/2020/HĐBĐ/NHCT821- CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 02/06/2020, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hoàng Luân. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 10.000.000.000 VND.

(3) Là khoản nợ thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C2208060C2 ngày 13/9/2022 cho tài sản: Dây chuyền trộn phân NPK 3 màu; Thời hạn thuê 48 tháng, giá trị thuê 2.522.000.000 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 9,18% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9.05% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 3,07%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 47 kỳ.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 19/7/2022, Bản tu chính số 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 18/11/2022 cho tài sản: Ô tô con hiệu Mercedes Benz biển số 50 LD-195.57 và Ô tô con hiệu Vinfast biển số 50 LD-200.46; Thời hạn thuê 36 tháng, giá trị thuê 2.743.505.600 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 9,8% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9.67% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 2,67%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 35 kỳ.

**Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:**

|                       | Số đầu năm           | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số kết chuyển sang vay ngắn hạn | Số cuối kỳ           |
|-----------------------|----------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 5.690.728.098        | -                              | (856.680.000)                   | 4.834.048.098        |
| Nợ thuê tài chính     | 1.408.778.095        | -                              | (596.509.956)                   | 812.268.139          |
| <b>Cộng</b>           | <b>7.099.506.193</b> | <b>-</b>                       | <b>(1.453.189.956)</b>          | <b>5.646.316.237</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư Phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng              |
|-----------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước         | 136.000.000.000           | 471.167.081           | 65.758.003.906                    | 3.098.021.995                   | 205.327.192.982        |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                         | -                     | 8.743.186.139                     | 54.646.038                      | 8.797.832.177          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>136.000.000.000</b>    | <b>471.167.081</b>    | <b>74.501.190.045</b>             | <b>3.152.668.033</b>            | <b>214.125.025.159</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 136.000.000.000           | 471.167.081           | 74.501.190.045                    | 3.152.668.033                   | 214.125.025.159        |
| Lợi nhuận trong kỳ này      | -                         | -                     | 4.396.598.292                     | 36.141.463                      | 4.432.739.755          |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>    | <b>136.000.000.000</b>    | <b>471.167.081</b>    | <b>78.897.788.337</b>             | <b>3.188.809.496</b>            | <b>218.557.764.914</b> |

#### b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                       | Số cuối kỳ             | Tỷ lệ          | Số đầu năm             | Tỷ lệ          |
|-----------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Hoàng Luân | 52.000.000.000         | 38,24%         | 52.000.000.000         | 38,24%         |
| Ông Võ Văn Phước Quê  | 15.500.000.000         | 11,40%         | 15.500.000.000         | 11,40%         |
| Bà Võ Huỳnh Trang     | 500.000.000            | 0,36%          | 500.000.000            | 0,36%          |
| Các cổ đông khác      | 68.000.000.000         | 50,00%         | 68.000.000.000         | 50,00%         |
| <b>Cộng</b>           | <b>136.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>136.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> |

#### c) Cổ phiếu

|                                     | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.600.000 | 13.600.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 13.600.000 | 13.600.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 13.600.000 | 13.600.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 13.600.000 | 13.600.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 13.600.000 | 13.600.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### d) Phân phối lợi nhuận sau thuế

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 04 năm 2024, Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt quyết định phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% ( 1 cổ phiếu/ 5 cổ phiếu cũ)
- Thù lao HĐQT, BKS : 312.000.000 VND

Tại nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2022. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thiện các thủ tục pháp lý để thực hiện việc chi trả cổ tức này. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc tiếp tục thực hiện chi trả cổ tức của năm 2022 và chi thêm cổ tức năm 2023 sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                    | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                                    | Năm nay                           | Năm trước              |
| Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm | 307.346.166.929                   | 260.435.000.477        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ         | 5.645.654.168                     | 4.647.358.178          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>312.991.821.097</b>            | <b>265.082.358.655</b> |

### 2. Giá vốn hàng bán

|   | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|---|-----------------------------------|------------------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước              |
| Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán | 296.388.741.254                   | 249.921.680.384        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp         | 3.089.221.602                     | 3.161.220.996          |
| <b>Cộng</b>                             | <b>299.477.962.856</b>            | <b>253.082.901.380</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|              | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|--------------|-----------------------------------|--------------------|
|              | Năm nay                           | Năm trước          |
| Lãi tiền gửi | 161.895.557                       | 395.741.207        |
| <b>Cộng</b>  | <b>161.895.557</b>                | <b>395.741.207</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|                 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|-----------------|-----------------------------------|----------------------|
|                 | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí lãi vay | 4.810.808.102                     | 5.068.495.644        |
| <b>Cộng</b>     | <b>4.810.808.102</b>              | <b>5.068.495.644</b> |

### 5. Chi phí bán hàng

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước          |
| Chi phí cho nhân viên            | 584.247.282                       | 445.831.189        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | -                                 | 33.176.004         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 327.970.631                       | 119.689.530        |
| Các chi phí khác                 | 602.906                           | 607.954            |
| <b>Cộng</b>                      | <b>912.820.819</b>                | <b>599.304.677</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 2.124.936.993                     | 1.061.140.961        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 176.495.176                       | 165.723.849          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 231.585.794                       | 424.694.712          |
| Thuế, phí và lệ phí              | 15.673.730                        | 10.000.000           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 593.143.436                       | 339.938.082          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>3.141.835.129</b>              | <b>2.001.497.604</b> |

**7. Thu nhập khác**

|               | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |           |
|---------------|-----------------------------------|-----------|
|               | Năm nay                           | Năm trước |
| Thu nhập khác | 18.550.000                        | -         |
| <b>Cộng</b>   | <b>18.550.000</b>                 | <b>-</b>  |

**8. Chi phí khác**

|                         | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|-------------------------|-----------------------------------|-------------------|
|                         | Năm nay                           | Năm trước         |
| Chậm nộp thuế, bảo hiểm | 33.418.101                        | -                 |
| Chi phí không được trừ  | 82.196.970                        | 16.385.376        |
| <b>Cộng</b>             | <b>115.615.071</b>                | <b>16.385.376</b> |

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-----------------------------------|----------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 4.713.224.677                     | 4.709.515.181        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                                   |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 896.473.789                       | 1.179.465.615        |
| Thuế bị phạt, truy thu   | 33.418.101                        | 1.179.465.615        |
| Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ  | 11.595.456                        | 57.175.282           |
| Chi phí không được trừ   | 70.601.513                        | 16.385.376           |
| Chi phí lãi vay không được trừ   | 708.858.719                       | 1.105.904.957        |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | 72.000.000                        | -                    |
| Thu nhập chịu thuế   | -                                 | 5.888.980.796        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 5.609.698.466                     | 10%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | <b>10%</b>                        | <b>588.898.080</b>   |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>  | <b>560.969.847</b>                | <b>(294.449.040)</b> |
| <b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>  | <b>(280.484.923)</b>              | <b>294.449.039</b>   |



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|--|-----------------------------------|---------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước     |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 4.396.598.292                     | 4.397.675.287 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | -                                 | -             |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu  | 4.396.598.292                     | 4.397.675.287 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ   | 13.600.000                        | 13.600.000    |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>   | <b>323</b>                        | <b>323</b>    |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|--|-----------------------------------|-------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước         |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                   | 13.600.000                        | 13.600.000        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ        | -                                 | -                 |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b> | <b>13.600.000</b>                 | <b>13.600.000</b> |

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước              |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 77.904.813.003                    | 92.997.565.194         |
| Chi phí nhân công                | 4.166.351.026                     | 2.216.071.816          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.294.027.798                     | 4.116.714.135          |
| Thuế, phí và lệ phí              | 5.000.000                         | 10.000.000             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 992.962.472                       | 805.003.022            |
| Chi phí khác                     | 179.504.013                       | 66.253.126             |
| <b>Cộng</b>                      | <b>87.542.658.312</b>             | <b>100.211.607.293</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan.*

Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập – em trai ông Nguyễn Hoàng Luân là quyền sử dụng đất đang được công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng, chi tiết xem Thuyết minh số V.16a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

| Họ và tên             | Chức vụ               | Kỳ này             | Kỳ trước           |
|-----------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Ông Nguyễn Hoàng Luân | Chủ tịch HĐQT         | 51.764.615         | 59.173.077         |
|                       | Ủy viên HĐQT kiêm     |                    |                    |
| Ông Võ Văn Phước Quê  | Tổng Giám đốc         | 58.159.236         | 51.520.769         |
|                       | Ủy viên HĐQT kiêm Phó |                    |                    |
| Ông Nguyễn Đức Quang  | Tổng giám đốc         | 49.971.515         | 53.206.122         |
| Bà Biện Thị Chuyên    | Kế toán trưởng        | 72.707.746         | 65.129.468         |
| <b>Cộng</b>           |                       | <b>232.603.112</b> | <b>229.029.436</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2. Báo cáo bộ phận

#### A. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón;
- Lĩnh vực cho thuê tài sản;
- Lĩnh vực kinh doanh điện mặt trời.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|   | Lĩnh vực sản<br>xuất và kinh<br>doanh phân bón | Lĩnh vực cho<br>thuê tài sản | Lĩnh vực điện<br>mặt trời | Cộng                   |
|---|--|------------------------------|---------------------------|------------------------|
| <b>Năm nay</b>  |  |                              |                           |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 307.346.166.929                                | 4.864.452.450                | 781.201.718               | 312.991.821.097        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    |  |                              |                           | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>307.346.166.929</b>                         | <b>4.864.452.450</b>         | <b>781.201.718</b>        | <b>312.991.821.097</b> |
| Chi phí theo bộ phận  | (296.388.741.254)                              | (2.763.781.602)              | (325.440.000)             | (299.477.962.856)      |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 10.957.425.675                                 | 2.100.670.848                | 455.761.718               | 13.513.858.241         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |  |                              |                           | (4.054.655.948)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |  |                              |                           | 9.459.202.293          |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |  |                              |                           | 161.895.557            |
| Chi phí tài chính   |  |                              |                           | (4.810.808.102)        |
| Thu nhập khác   |  |                              |                           | 18.550.000             |
| Chi phí khác  |  |                              |                           | (115.615.071)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |  |                              |                           | (280.484.924)          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |  |                              |                           | <b>4.432.739.753</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>14.990.000</b>                              | <b>-</b>                     | <b>-</b>                  | <b>14.990.000</b>      |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>2.410.280.294</b>                           | <b>1.805.430.354</b>         | <b>325.440.000</b>        | <b>4.541.150.648</b>   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|  | <b>Lĩnh vực sản<br/>xuất và kinh<br/>doanh phân bón</b> | <b>Lĩnh vực cho<br/>thuê tài sản</b> | <b>Lĩnh vực điện<br/>mặt trời</b> | <b>Cộng</b>            |
|--|---|--------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                      |   |                                      |                                   |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 93.387.571.723  | 81.099.796.047                       | 14.678.043.871                    | 189.165.411.641        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | -   | -                                    | -                                 | -                      |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |   |                                      |                                   | 192.464.465.859        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |   |                                      |                                   | <b>381.629.877.500</b> |
| <br>                                   |   |                                      |                                   |                        |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 125.412.073.331   | -                                    | -                                 | 125.412.073.331        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | -   | -                                    | -                                 | -                      |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |   |                                      |                                   | 37.360.039.256         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |   |                                      |                                   | <b>162.772.112.587</b> |

### B. Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động trong năm của Công ty diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

|   | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
| <b>Tài sản tài chính</b>                  |                        |                        |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 8.984.093.998          | 10.337.980.916         | 8.984.093.998          | 10.337.980.916         |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | -                      | 10.000.000.000         | -                      | 10.000.000.000         |
| Phải thu khách hàng                       | 95.108.130.636         | 66.630.245.362         | 95.108.130.636         | 66.630.245.362         |
| Các khoản phải thu khác                   | 615.482.060            | 1.465.180.697          | 615.482.060            | 1.465.180.697          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>104.707.706.694</b> | <b>88.433.406.975</b>  | <b>104.707.706.694</b> | <b>88.433.406.975</b>  |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>              |                        |                        |                        |                        |
| Vay và nợ                                 | 131.058.389.568        | 129.957.286.309        | 131.058.389.568        | 129.957.286.309        |
| Phải trả người bán                        | 29.803.083.602         | 10.911.525.764         | 29.803.083.602         | 10.911.525.764         |
| Các khoản phải trả khác                   | 1.607.154.493          | 1.644.863.686          | 1.607.154.493          | 1.644.863.686          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>162.468.627.663</b> | <b>142.513.675.759</b> | <b>162.468.627.663</b> | <b>142.513.675.759</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

|                         | Từ 1 năm trở<br>xuống  | Trên 1 năm đến<br>5 năm | Trên 5 năm         | Cộng                   |
|-------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>       |                        |                         |                    |                        |
| Vay và nợ               | 125.412.073.331        | 5.516.068.139           | 130.248.098        | 131.058.389.568        |
| Phải trả người bán      | 29.803.083.602         | -                       | -                  | 29.803.083.602         |
| Các khoản phải trả khác | 1.400.222.893          | 206.931.600             | -                  | 1.607.154.493          |
| <b>Cộng</b>             | <b>156.615.379.826</b> | <b>5.722.999.739</b>    | <b>130.248.098</b> | <b>162.468.627.663</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                        |                         |                    |                        |
| Vay và nợ               | 122.857.780.116        | 6.494.678.095           | 604.828.098        | 129.957.286.309        |
| Phải trả người bán      | 10.911.525.764         | -                       | -                  | 10.911.525.764         |
| Các khoản phải trả khác | 1.255.932.086          | 388.931.600             | -                  | 1.644.863.686          |
| <b>Cộng</b>             | <b>135.025.237.966</b> | <b>6.883.609.695</b>    | <b>604.828.098</b> | <b>142.513.675.759</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 7. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh cùng kỳ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khải Vân

Biện Thị Chuyên

Võ Văn Phước Quê